



17/1/08
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC
Auditing & Informatic Services Company Limited

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NIÊN ĐỘ KẾT THÚC NGÀY 31/12/2008**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHẾ TẠO MÁY DZĨ AN**

AISC

MỤC LỤC

---oOo---

	Trang
1- Báo Cáo Của Hội Đồng Quản Trị	1 - 2
2- Báo Cáo Kiểm Toán	3
3- Bảng Cân Đối Kế Toán	4 - 6
4- Báo Cáo Kết Quả Hoạt Động Kinh Doanh	7
5- Báo Cáo Lưu Chuyển Tiền Tệ	8
6- Thuyết Minh Báo Cáo Tài Chính	9 - 21



CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY DZĪ AN
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
NIÊN ĐỘ 2008

Hội Đồng Quản Trị Công Ty Cổ Phần Chế Tạo Máy Dzĩ An trân trọng đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho niên độ kế toán từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008.

1. Hội Đồng Quản trị và Ban Giám Đốc Công ty:

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo Cáo này bao gồm:

Ông Đặng Đình Hưng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị, kiêm Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Cường	Ủy viên HĐQT
Ông Võ Anh Thụy	Ủy viên HĐQT
Ông Nguyễn Xuân Thành	Ủy viên HĐQT
Ông Phùng Minh Tuấn	Ủy viên HĐQT, kiêm Phó Giám Đốc kinh doanh

2. Các hoạt động chính

Công ty Cổ Phần Chế Tạo Máy Dzĩ An được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4603000016 ngày 19 tháng 01 năm 2001. Đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 12 tháng 7 năm 2007. Đăng ký lại lần thứ 1 ngày 18 tháng 04 năm 2002, do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Tỉnh Bình Dương cấp.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 3 - Đường số 1, KCN Sóng Thần 1, Huyện Dĩ An - Tỉnh Bình Dương.

Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần.

Vốn điều lệ công ty đến thời điểm 31/12/2008 là: 25 tỷ đồng.

Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh của Công Ty

- Lắp ráp, chế tạo, tiêu thụ và cung cấp dịch vụ cho các loại sản phẩm máy phát điện, máy động lực và các sản phẩm cơ điện khác. Thiết kế, sản xuất và lắp ráp mới phương tiện cơ giới đường bộ. Thiết kế, cải tạo và thi công cải tạo phương tiện cơ giới đường bộ .

3. Kết quả hoạt động kinh doanh niên độ 2008

Hội Đồng Quản Trị nhất trí với các số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm Toán và Dịch Vụ Tin Học TP. Hồ Chí Minh (AISC).

- Tổng doanh thu	177.166.962.480 đồng
- Tổng chi phí	156.406.120.322 đồng
- Lãi trước thuế năm 2008	20.760.842.158 đồng

4. Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học TP Hồ Chí Minh (AISC) được chỉ định là kiểm toán viên cho niên độ tài chính kết thúc 31/12/2008.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY DZI AN
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
NIÊN ĐỘ 2008

5. Cam kết của Hội Đồng Quản Trị

Hội Đồng Quản Trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý các Báo cáo tài chính của Công ty cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Hội Đồng Quản Trị đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau:

- Trước khi các Báo cáo tài chính của Công Ty được lập, Hội Đồng Quản Trị đã tiến hành những bước cần thiết để đảm bảo rằng giá trị sổ sách của bất kỳ tài sản lưu động nào của Công ty đã được xác định phù hợp với giá trị thực tế của tài sản vào thời điểm kết thúc niên độ.
- Không có bất kỳ sự kiện hay trường hợp bất thường nào xảy ra kể từ ngày kết thúc niên độ đến thời điểm lập báo cáo này có thể dẫn đến sự hiểu nhầm về các số liệu trình bày trong các báo cáo tài chính của Công ty.
- Không có một thế chấp nào bằng tài sản của Công ty kể từ cuối năm tài chính để đảm bảo cho những khoản nợ của bất kỳ cá nhân nào khác.
- Không có một khoản nợ ngoài dự kiến nào hay một khoản nợ nào khác của Công ty sẽ hay có thể làm ảnh hưởng một cách nghiêm trọng đến khả năng thực hiện nghĩa vụ của Công ty, khi các khoản nợ này đến hạn trả hay khi Công ty bị bắt buộc phải trả hoặc có thể bị bắt buộc phải trả trong thời hạn mười hai tháng sau khi kết thúc năm tài chính.
- Các hoạt động trong năm của Công ty được phản ánh trên báo cáo tài chính không có khả năng bị ảnh hưởng một cách nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ, sự kiện có bản chất trọng yếu hay bất thường nào đã phát sinh cho đến ngày lập báo cáo này.
- Trong trường hợp cần thiết, các thông tin cần công bố được giải trình trong phần thuyết minh báo cáo tài chính.
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán, các ước tính được đánh giá hợp lý và thận trọng.
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

6. Xác nhận

Theo ý kiến của Hội Đồng Quản Trị, chúng tôi nhận thấy rằng các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Ngày 19 tháng 3 năm 2009

Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị





CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC

Auditing & Informatic Services Company Limited

Office: 142 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, Thành Phố Hồ Chí Minh

Tel: (84.8) 3930 5163 (10 Lines)

Fax: (84.8) 3930 4281

Email: aisc@aisc.com.vn

Website: www.aisc.com.vn



Số : 10.08.542/AISC-DN4

BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2008 CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY DZĨ AN.

KÍNH GỬI: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY DZĨ AN.

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho niên độ tài chính từ ngày 01/01/2008 đến ngày 31/12/2008 của CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY DZĨ AN từ trang 04 đến trang 21 kèm theo.

Việc lập, soạn thảo và trình bày báo cáo tài chính này thuộc về trách nhiệm của Ban Giám đốc quý Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra các ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm toán theo những quy định của Nhà nước Việt nam về chế độ kế toán và kiểm toán; phù hợp với các chuẩn mực kiểm toán Việt nam.

Trên căn bản thử nghiệm, cuộc kiểm toán bao gồm việc xem xét các chứng cứ liên quan đến số liệu và các công bố trên báo cáo tài chính. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá về những ước lượng và những ý kiến quan trọng đã được thể hiện bởi Ban Giám Đốc của Công ty; về sự phù hợp của các nguyên tắc, chế độ kế toán, việc áp dụng nhất quán và trình bày đầy đủ trong việc soạn thảo các báo cáo tài chính.

Chúng tôi đã lập kế hoạch và hoàn thành cuộc kiểm toán để đạt được tất cả các thông tin và các giải trình cần thiết nhằm cung cấp cho chúng tôi đầy đủ chứng cứ để đảm bảo rằng báo cáo tài chính tránh được các sai sót trọng yếu. Chúng tôi tin rằng việc kiểm toán đã cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, các báo cáo tài chính đã được phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính, cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY DZĨ AN cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2008, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán hiện hành và tuân thủ các qui định pháp lý có liên quan.

TP.HCM, ngày 18 tháng 3 năm 2009

KIỂM TOÁN VIÊN

Trương Diệu Thúy

Số chứng chỉ KTV: 0212/KTV



Đặng Ngọc Tú

Số chứng chỉ KTV: 0213/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY DZĪ AN

Mẫu số B 01- DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính : VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2008	01/01/2008
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		87.986.746.589	62.300.437.635
I. Tiền	110		10.424.495.737	5.489.077.756
1. Tiền	111	V.1	10.424.495.737	5.489.077.756
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		41.944.515.141	19.679.990.787
1. Phải thu khách hàng	131		40.195.009.130	18.285.788.995
2. Trả trước cho người bán	132		1.671.624.990	1.382.406.463
5. Các khoản phải thu khác	135	V.2	77.881.021	11.795.329
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		23.163.569.729	29.328.742.687
1. Hàng tồn kho	141		23.163.569.729	29.328.742.687
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		12.454.165.982	7.802.626.405
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		155.745.802	206.597.423
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		465.546.230	200.019.063
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	320.224.906
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.3	11.832.873.950	7.075.785.013
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		9.743.523.427	4.185.604.138
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			-
II. Tài sản cố định	220		9.742.213.913	4.181.726.470
1. TSCĐ hữu hình	221		4.990.933.960	2.985.473.766
- Nguyên giá	222		7.518.956.855	4.851.874.278
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.528.022.895)	(1.866.400.512)
3. TSCĐ vô hình	227		4.719.147.226	1.196.252.704
- Nguyên giá	228		4.945.275.621	1.391.038.227
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(226.128.395)	(194.785.523)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.4	32.132.727	-
V. Tài sản dài hạn khác	260	V.5	1.309.514	3.877.668
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.309.514	3.877.668
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		97.730.270.016	66.486.041.773

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY DZĪ AN
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mẫu số B 01- DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính : VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2008	01/01/2008
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		45.047.003.909	28.393.065.974
I. Nợ ngắn hạn	310		44.802.024.709	28.341.751.359
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		15.432.031.841	12.670.138.324
2. Phải trả cho người bán	312	V.6.1	12.561.215.909	5.058.164.457
3. Người mua trả tiền trước	313		928.220.652	5.743.302.169
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		4.510.832.470	854.308.269
5. Phải trả người lao động	315		11.216.330.660	177.665.000
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.6.2	153.393.177	3.838.173.140
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
II. Nợ dài hạn	330		244.979.200	51.314.615
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.7	244.979.200	51.314.615
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		52.683.266.107	38.092.975.799
I. Vốn Chủ Sở Hữu	410		51.620.269.250	37.743.168.442
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.8	25.000.000.000	25.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		6.886.448.000	6.889.760.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			-
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		(314.300.000)	(386.750.000)
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.710.849.049	674.933.193
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.627.024.287	609.066.359
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		15.710.247.914	4.956.158.890
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		1.062.996.857	349.807.357
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		1.062.996.857	349.807.357
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		97.730.270.016	66.486.041.773

84
 TỶ DUY
 DỊCH
 C
 HỒ
 INH
 CH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY DĨ AN
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mẫu số B 01- DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính : VND

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2008	1/1/2008
5. Ngoại tệ các loại		-	-
- USD		200,69	
- EUR		610,42	

TP HCM, ngày 20 tháng 2 năm 2009

Kế toán trưởng

Bùi Chi Phước Khanh

Giám Đốc



Dặng Đình Hưng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY DZI AN
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Năm 2008

Mẫu số B 02- DN

Đơn vị tính : VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2008	Năm 2007
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1		177.166.962.480	78.878.703.883
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	2			421.146.242
3 Doanh thu thuần về bán hàng và dịch vụ	10		177.166.962.480	78.457.557.641
4 Giá vốn hàng bán	11		114.460.187.223	55.015.719.589
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ	20		62.706.775.257	23.441.838.052
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21		509.454.388	118.825.177
7 Chi phí tài chính	22		4.418.094.232	1.275.861.233
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.440.207.841	1.275.861.233
8 Chi phí bán hàng	24		33.994.285.927	12.737.401.647
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		4.391.893.877	2.520.925.665
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		20.411.955.609	7.026.474.684
11 Thu nhập khác	31		461.739.885	885.941.377
12 Chi phí khác	32		112.853.336	438.206.591
13 Lợi nhuận khác	40		348.886.549	447.734.786
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		20.760.842.158	7.474.209.470
15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		1.565.237.299	607.386.762
16 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		19.195.604.859	6.866.822.708
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		7.742	4.335

Ngày 20 tháng 02 năm 2009

Kế toán trưởng

Bùi Thị Phước Hạnh

Bùi Thị Phước Hạnh



Dương Đình Hưng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY DZĪ AN
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp trực tiếp)

Mẫu số B 03- DN

Năm 2008

Đơn vị tính : VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2008	Năm 2007
I- Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ, doanh thu khác	01		160.120.945.237	74.433.581.336
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ	02		(45.043.335.157)	(53.278.335.865)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(5.485.424.000)	(3.771.967.000)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(2.440.207.841)	(1.275.861.232)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập Doanh nghiệp	05		(524.161.411)	
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		12.485.355.941	12.653.311.059
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07		(69.606.154.542)	(45.053.811.847)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		49.507.018.227	(16.293.083.549)
II- Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ & TS dài hạn khác	21		(6.251.747.318)	(649.121.341)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ & TS dài hạn khác	22		9.047.619	252.058.920
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27			
Lưu chuyển tiền tệ thuần từ hoạt động đầu tư	30		(6.242.699.699)	(397.062.421)
III- Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp từ các chủ sở hữu	31			12.143.400.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu	32			1.407.000.000
3. Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33		7.696.863.773	29.450.398.988
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(44.040.132.320)	(20.437.847.028)
6. Cổ tức lợi nhuận đã trả cho các chủ sở hữu	36		(1.985.632.000)	(1.410.560.000)
Lưu chuyển tiền tệ thuần từ hoạt động tài chính	40		(38.328.900.547)	21.152.391.960
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		4.935.417.981	4.462.245.990
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	5.489.077.756	1.026.831.766
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		10.424.495.737	5.489.077.756

Kế toán trưởng

[Handwritten signature]

[Handwritten text]

Ngày 20 tháng 02 năm 2009

Giám Đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY DZĪ AN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2008

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính : VND

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp.

Công ty Cổ Phần Chế Tạo Máy Dzĩ An được thành lập theo Giấy Chứng Nhận Đăng ký kinh doanh Công Ty Cổ Phần số 4603000016 -đăng ký lần đầu ngày 19 tháng 01 năm 2001. Đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 12 tháng 7 năm 2007. Đăng ký lại lần thứ I ngày 18 tháng 04 năm 2002. do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Tỉnh Bình Dương cấp.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 3 - Đường số 1, KCN Sóng Thần 1, Huyện Dĩ An - Tỉnh Bình Dương.

** Năm 2008, Công Ty thành lập thêm chi nhánh tại Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh lần đầu số 3213002231 cấp ngày 26 tháng 9 năm 2008.*

Địa chỉ chi nhánh: Lô A7 cụm công nghiệp Thanh vinh mở rộng, Xã Hòa Liên, Huyện Hòa Vang, Thành phố Đà Nẵng.

** Năm 2008, Công Ty thành lập ở nước ngoài Chi nhánh Công ty cổ phần chế tạo máy Dzĩ An tại Cam-Pu-Chia có tên giao dịch DZIMA CAMPUCHIA. Giấy chứng nhận Đầu tư ra nước ngoài số 215/BKH-ĐTRNN cấp ngày 23 tháng 01 năm 2009 do Bộ Kế Hoạch Và Đầu Tư của Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam cấp.*

Chi nhánh đã bắt đầu hoạt động chính thức ngày theo Giấy chứng nhận đầu tư của Nhà nước Cam-Pu-Chia cấp ngày 21 tháng 01 năm 2008.

Địa chỉ chi nhánh: R.202.Phkar Chhouk Tep 2 Hotel; #10-12 St 336, Sangkart Phsar Doemkor, Khan Toul Kork, Phnom Penh, Cambodia.

Mục tiêu hoạt động: Kinh doanh máy phát điện và sản xuất điện sinh khối.

Tổng vốn đầu tư của dự án ra nước ngoài của Công Ty Cổ Phần Chế Tạo Máy Dzĩ An là 800.000 (Tám trăm nghìn) đô la Mỹ; tương đương 14.000.000.000 (mười bốn tỉ) đồng Việt Nam.

1 Hình thức sở hữu vốn: Cổ phần.

2 Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất - kinh doanh.

3 Ngành nghề kinh doanh:

- Lắp ráp, chế tạo, tiêu thụ và cung cấp dịch vụ cho các loại sản phẩm máy phát điện, máy động lực và các sản phẩm cơ điện khác.Thiết kế sản xuất và lắp ráp mới phương tiện cơ giới đường bộ.Thiết kế cải tạo và thi công cải tạo phương tiện cơ giới đường bộ.

II. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và lập báo cáo tài chính: Việt Nam đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY DZIAN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

Năm 2008

Đơn vị tính : VND

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng tại doanh nghiệp

1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hệ thống kế toán Việt Nam được Bộ Tài Chính ban hành theo Quyết Định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006.

2 Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán theo quy định của Nhà nước Việt Nam về chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán Việt Nam; phù hợp với những chuẩn mực kế toán quốc tế và những thông lệ kế toán được Nhà nước Việt Nam thừa nhận.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong Bản Thuyết Minh Báo Cáo Tài Chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu qui định tại Chuẩn mực số 21 - Trình bày Báo Cáo Tài Chính.

Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp. Để đảm bảo yêu cầu trung thực và hợp lý, các báo cáo tài chính được lập và trình bày trên cơ sở tuân thủ và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định có liên quan hiện hành.

3 Hình thức kế toán áp dụng

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung

IV. Các chính sách kế toán áp dụng:

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền: phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

- Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán: Những nghiệp vụ liên quan đến các loại ngoại tệ phát sinh trong năm được qui đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng Nhà Nước tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

- Các chênh lệch phát sinh do quy đổi ngoại tệ và đánh giá lại số dư các tài khoản ngoại tệ được kết chuyển vào lãi, lỗ của niên độ.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc đánh giá: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (Thực hiện theo chuẩn mực số 02 "Hàng tồn kho").

Phương pháp xác định giá trị hàng hóa tồn kho cuối kỳ: Bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: áp dụng theo thông tư 13/TT-BTC ngày 27/02/2006 của Bộ Tài Chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY DZĪ AN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

Năm 2008

Đơn vị tính : VND

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho (tiếp theo):

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ:

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình: là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình: Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ.... Quyền sử dụng đất thuê có xác định thời hạn thì tính khấu hao theo thời gian hữu dụng. Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn thì không tính khấu hao.

Phương pháp khấu hao TSCĐ: Khấu hao được tính dựa trên nguyên giá của tài sản cố định và theo phương pháp khấu hao đường thẳng. Tỷ lệ khấu hao hàng năm dựa trên mức độ hữu dụng dự tính của TSCĐ phù hợp với quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ban hành ngày 12/12/2003 của Bộ Tài Chính.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ nhưng chưa có hoá đơn, chứng từ.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Công Ty không trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm áp dụng theo thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14/8/2003, Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được trích từ lợi nhuận sau thuế với tỷ lệ là: 1% lợi nhuận sau thuế.

10. Nguyên tắc ghi nhận Vốn chủ sở hữu

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu ngân quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu: được ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản nhận được do biếu, tặng, sau khi trừ đi thuế phải nộp liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế số cổ phiếu do công ty phát hành sau đó mua lại được trừ vào vốn chủ sở hữu của Công ty. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

- Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu: Nguồn vốn kinh doanh được xác định căn cứ theo giấy phép đăng ký kinh doanh và giá trị của các khoản vốn thực tế đã được ghi nhận trên sổ kế toán của Công Ty.

Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Căn cứ vào Điều lệ của Công ty và Quyết định của Hội Đồng Quản Trị.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY DZĪ AN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

Năm 2008

Đơn vị tính : VND

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Khi bán hàng hàng hoá thành phẩm, doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hoá đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở trích trước (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Công Ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất ưu đãi là 15% trên thu nhập chịu thuế.

Năm 2008, Công ty được miễn giảm 50% thuế TNDN - thuế suất áp dụng là 7,5%.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng Cân Đối Kế Toán

1	31/12/2008	01/01/2008
Tiền		
Tiền mặt	199.298.234	14.550.675
Tiền gửi ngân hàng	10.225.197.503	5.474.527.081
Tiền gửi ngân hàng VND	10.209.581.073	5.474.527.081
Tiền gửi ngân hàng USD	3.094.814	
Tiền gửi ngân hàng EUR	12.521.616	
Cộng	10.424.495.737	5.489.077.756
3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	31/12/2008	01/01/2008
Phải thu người lao động		11.795.329
Phải thu khác	77.881.021	
- Phải thu Lê Thành Trục (CNV)	7.741.223	
- Phải thu của Nhà máy điện TBBP	70.139.798	
Cộng	77.881.021	11.795.329

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY DZIAN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Năm 2008

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính : VND

3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác (tiếp theo):

Tài sản ngắn hạn khác	31/12/2008	01/01/2008
Tạm ứng (CNV Công Ty)	1.503.401.494	1.169.553.000
Kí quỹ, ký cược ngắn hạn	10.329.472.456	5.906.232.013
<i>Tại Trụ sở chính - ký quỹ mở LC, thu Bảo lãnh</i>	<i>10.303.458.456</i>	
<i>Tại Chi Nhánh CPC</i>	<i>26.014.000</i>	
Cộng	11.832.873.950	7.075.785.013

4. Hàng tồn kho

	31/12/2008	01/01/2008
- Nguyên liệu, vật liệu	14.043.729.331	10.541.270.273
- Công cụ dụng cụ	19.267.317	12.685.253
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.625.797.647	3.308.890.593
- Thành phẩm	2.835.859.406	5.833.298.431
- Hàng gửi đi bán	2.638.916.028	9.632.598.137
Cộng giá gốc hàng tồn kho	23.163.569.729	29.328.742.687

6. Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Tổng Cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình					
Số dư đầu năm	2.163.224.919	1.643.288.184	900.537.753	144.823.422	4.851.874.278
- Mua mới		191.280.516	2.276.315.425	229.913.983	2.697.509.924
- Thanh lý, nhượng bán		30.427.347			30.427.347
Số dư cuối kì	2.163.224.919	1.804.141.353	3.176.853.178	374.737.405	7.518.956.855
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	463.927.267	1.010.695.237	269.109.330	122.668.678	1.866.400.512
- Khấu hao trong năm	121.029.024	280.518.859	277.132.128	4.241.532	682.921.543
- Thanh lý, nhượng bán		21.299.160			21.299.160
Số dư cuối năm	584.956.291	1.269.914.936	546.241.458	126.910.210	2.528.022.895
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình					
Tại ngày đầu năm	1.699.297.652	632.592.947	631.428.423	22.154.744	2.985.473.766
Tại ngày cuối năm	1.578.268.628	534.226.417	2.630.611.720	247.827.195	4.990.933.960

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY DZĪ AN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2008

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính : VND

6. Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình (tiếp theo):

* Tổng giá trị tài sản cố định dùng để thế chấp, cầm cố cho khoản vay của Ngân hàng Công Thương Chi nhánh Khu CN Sóng Thần theo ước tính của bên cho vay là:	2.821.800.000
* Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:	807.956.163

10. Tình hình tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Tổng Cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình		
Số dư đầu kỳ	1.391.038.227	1.391.038.227
- Mua trong năm	3.554.237.394	3.554.237.394
Số dư cuối năm	4.945.275.621	4.945.275.621
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu kỳ	194.785.523	194.785.523
- Khấu hao trong năm	31.342.872	31.342.872
Số dư cuối năm	226.128.395	226.128.395
Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình		
Tại ngày đầu kỳ	1.196.252.704	1.196.252.704
Tại ngày cuối năm	4.719.147.226	4.719.147.226

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2008	01/01/2008
Chi phí khảo sát địa chất Nhà máy tại Đà Nẵng	32.132.727	
Cộng	32.132.727	

14. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2008	01/01/2008
- Vật dụng văn phòng	1.309.514	3.877.668
Cộng	1.309.514	3.877.668

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY DZĪ AN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

Năm 2008

Đơn vị tính : VND

	31/12/2008	01/01/2008
15. Các khoản vay và nợ ngắn hạn		
- Chi nhánh ngân hàng Công Thương - KCN Bình Dương	13.055.475.606	11.894.355.440
- Ngân hàng Ngoại Thương VN - Chi nhánh KCX Tân Thuận		775.782.884
- Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam- CN Thủ Đức	2.376.556.235	
Cộng	15.432.031.841	12.670.138.324
16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		
- Thuế giá trị gia tăng	2.292.893.073	305.542.880
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	806.356.449	
- Thuế xuất nhập khẩu	652.673.866	376.517.839
- Thuế thu nhập cá nhân	758.909.082	172.247.550
Cộng	4.510.832.470	854.308.269
18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		
Bảo hiểm xã hội, y tế	79.437.477	26.970.740
Các khoản phải trả, phải nộp khác	73.955.700	3.811.202.400
- <i>Thưởng vượt kế hoạch doanh thu 2007</i>		200.446.000
- <i>Phí sửa xe</i>		5.600.000
- <i>Phải trả cho các đại diện bán hàng</i>		3.605.156.400
- <i>Visa Card (CN.Phnom Penh)</i>	39.517.500	
- <i>Cổ tức đợt 2/2007 phải trả</i>	11.840.000	
- <i>Cổ tức đợt 1/2008 phải trả</i>	18.800.000	
- <i>Phải trả ốm đau, thai sản</i>	3.798.200	
Cộng	153.393.177	3.838.173.140

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY DZIAN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

năm 2008

Đơn vị tính: VND

Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động Vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Cổ phiếu ngân quỹ	Quỹ đầu tư		Quỹ dự phòng tài chính		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần		phát triển	tài chính				
đầu tư năm trước	9.218.000.000	1.339.800.000		5.171.342.998	2.158.434.545	3.386.426.578	21.274.004.121		
đổi lại năm 2007						6.866.822.708	6.866.822.708		
đăng vốn trong năm do phát hành 656.400	6.564.000.000								6.564.000.000
đăng vốn từ lãi để lại	1.479.484.035					(1.479.484.035)			
trích quỹ tăng vốn	7.738.515.965			(5.375.712.209)	(2.362.803.756)				
thuế TNDN được miễn giảm từ năm 2004						959.959.803	959.959.803		959.959.803
đổi lại năm 2006									
trích lập các quỹ từ lãi 2006				115.395.923	115.395.923	(230.791.846)			
trích lập các quỹ từ lãi 2007				763.906.481	763.906.481	(1.527.812.962)			
đăng do tài sản thất thoát					(65.866.834)				(65.866.834)
trích quỹ KT & PL từ lãi năm 2006-2007						(527.145.850)	(527.145.850)		(527.145.850)
đăng hành thêm cổ phiếu	5.579.400.000						5.579.400.000		5.579.400.000
đăng phí P.hành thêm cổ phiếu	(50.000.000)						(50.000.000)		(50.000.000)
đăng chênh lệch giữa giá mua và thời điểm mua cổ tức bằng CP	(46.640.000)						46.640.000		
đăng mua lại CP các cổ đông							(1.407.000.000)		(1.407.000.000)
đăng mua lại CP các cổ đông từ Lãi	67.200.000						(67.200.000)		
đăng chia cổ tức = CP quỹ							973.610.000		973.610.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY DZĪ AN
HUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

m 2008

Đơn vị tính : VND

Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động Vốn chủ sở hữu (tiếp theo):

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (tiếp theo):		Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	chủ sở hữu	chủ sở hữu						
chia cổ tức cho CĐ đợt 2 năm 2006							(921.800.000)	(921.800.000)
chia cổ tức cho CĐ đợt 1 năm 2007							(436.950.000)	(436.950.000)
trích quỹ dự phòng TCMVL							(85.739.924)	(85.739.924)
khí khác							(6.515.582)	(6.515.582)
dư cuối năm trước, số dư đầu năm nay	25.000.000.000	25.000.000.000	6.889.760.000	(386.750.000)	674.933.193	609.066.359	4.956.158.890	37.743.168.442
ãi năm 2008							19.195.604.859	19.195.604.859
/chính chia cổ tức đợt 1 năm 2007 = CP quỹ			(3.312.000)	72.450.000				69.138.000
trích lập các quỹ từ lãi 2008 - 10%				1.918.154.420			(1.918.154.420)	-
trích lập các quỹ từ lãi 2008 - 5%					959.077.210		(959.077.210)	-
trích quỹ KT & PL từ lãi 2008 - 6%							(1.213.673.339)	(1.213.673.339)
huế TNDN được miễn giảm từ năm 2004 đến 2007				117.761.436		58.880.718	(176.642.154)	-
chia cổ tức cho CĐ đợt 2 năm 2007							(1.982.320.000)	(1.982.320.000)
trích cổ tức đợt 1/2008 - 8%							(1.985.632.000)	(1.985.632.000)
trích quỹ dự phòng TCMVL							(191.956.049)	(191.956.049)
khí khác (nộp phạt HC thuế)							(14.060.664)	(14.060.664)
dư cuối năm nay	25.000.000.000	25.000.000.000	6.886.448.000	(314.300.000)	2.710.849.049	1.627.024.287	15.710.247.914	51.620.269.250

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY DZĪ AN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

Năm 2008

Đơn vị tính : VND

22. Vốn chủ sở hữu

b- Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	31/12/2008	01/01/2008
Vốn góp của các cổ đông	25.000.000.000	25.000.000.000
Cộng	25.000.000.000	25.000.000.000
* Số lượng cổ phiếu quỹ	314.300.000	386.750.000
c- Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Năm 2008	Năm 2007
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	25.000.000.000	9.218.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm		15.782.000.000
+ Vốn góp giảm trong năm		-
+ Vốn góp cuối kỳ	25.000.000.000	25.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia		1.410.560.000
d. Cổ tức		
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:		
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông:		16%
e- Cổ phiếu	Năm 2008	31/12/2007
Số lượng cổ phiếu đã được phép phát hành	2.500.000	2.500.000
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	2.500.000	2.500.000
+ Cổ phiếu phổ thông	2.500.000	2.500.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	17.960	22.100
+ Cổ phiếu phổ thông	17.960	22.100
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.482.040	2.477.900
+ Cổ phiếu phổ thông	2.482.040	2.477.900
* Mệnh giá cổ phiếu	10.000	10.000

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo Cáo Kết Quả Hoạt Động Kinh Doanh

25. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2008	Năm 2007
- Doanh thu bán hàng	177.166.962.480	78.878.703.883
Tổng doanh thu	177.166.962.480	78.878.703.883

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY DZĨ AN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

Năm 2008

Đơn vị tính : VND

	Năm 2008	Năm 2007
26. Các khoản giảm trừ doanh thu		
- Hàng bán bị trả lại		421.146.242
Cộng	-	421.146.242
27. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2008	Năm 2007
- Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm, hàng hoá	177.166.962.480	78.457.557.641
Cộng	177.166.962.480	78.457.557.641
28. Giá vốn hàng bán	Năm 2008	Năm 2007
- Giá vốn thành phẩm đã cung cấp	114.460.187.223	55.015.719.589
Cộng	114.460.187.223	55.015.719.589
29. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2008	Năm 2007
- Lãi tiền gửi	218.581.200	118.825.177
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thanh toán	290.873.188	
Cộng	509.454.388	118.825.177
30. Chi phí tài chính	Năm 2008	Năm 2007
- Lãi vay ngân hàng	2.440.207.841	1.275.861.233
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.977.886.391	
Cộng	4.418.094.232	1.275.861.233
31. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm 2008	Năm 2007
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	20.760.842.158	7.474.209.470
- Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế.	108.988.495	624.280.695
+ Chi phí khác vượt 10% tổng CP hợp lý, hợp lệ		624.280.695
+ Chi phí phạt do vi phạm hợp đồng	108.988.495	
- Tổng thu nhập chịu thuế (lợi nhuận thu được từ hoạt động sản xuất)	20.869.830.653	8.098.490.165
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (15%)	3.130.474.598	607.386.762
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (7,5%)	1.565.237.299	607.386.762
- Lợi nhuận sau thuế TNDN	19.195.604.859	6.866.822.708

4184
 GTY
 BAN HỮU
 VÀ ĐIC
 HỌC
 PH
 M
 10 C

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY DZĨ AN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

Năm 2008

Đơn vị tính : VND

	Năm 2008	Năm 2007
33. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố		
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	96.572.683.756	60.177.573.505
- Chi phí nhân công	7.027.798.315	4.440.257.108
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	714.264.415	577.787.879
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.007.072.023	
- Chi phí khác bằng tiền	47.259.549.804	6.689.244.729
Cộng	157.581.368.313	71.884.863.221
34. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm 2008	Năm 2007
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	19.195.604.859	6.866.822.708
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	19.195.604.859	6.866.822.708
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	2.479.280	1.584.104
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	7.742	4.335

VIII Những thông tin khác

2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

* Ngày 18 tháng 03 năm 2009, Công Ty nhận được công văn số 111/TB-TTGGHN của Trung tâm Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội về việc chấp thuận nguyên tắc niêm yết cổ phiếu theo các nội dung sau:

- Loại chứng khoán cổ phiếu phổ thông.
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng (Mười nghìn đồng).
- Số lượng chứng khoán niêm yết: 2.500.000 cổ phiếu (Hai triệu năm trăm nghìn cổ phiếu).
- Giá trị chứng khoán niêm yết: 25.000.000.000 đồng (Hai mươi lăm tỷ đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY DZĨ AN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2008

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính : VND

3. Thông tin về các bên liên quan:

Giao dịch với các thành viên Hội đồng quản trị như sau:

	Năm 2008	Năm 2007
Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:		
Tiền lương	844,902,265	
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	194,327,520	
- Ngoài ra các Thành viên Hội Đồng Quản Trị có các quan hệ giao dịch như :		
- Vay	2,400,000,000	
- Chi hộ cho Công Ty		
Cộng	<u>1,039,229,785</u>	

7. Những thông tin khác:

Ngày 25 tháng 01 năm 2009

Kế toán trưởng

Giám đốc

Bùi Thị Phước Hạnh



Dặng Đình Hưng